

trình các cơ quan lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đồng thời dự kiến phương án phân bổ các chỉ tiêu kế hoạch và ngân sách để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

## 2. Về phân công thực hiện.

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính tính toán, xây dựng các phương án, các cân đối lớn để làm cơ sở hướng dẫn cho các Bộ, ngành, các địa phương xây dựng kế hoạch năm 2002.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xây dựng và tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và làm việc với các Bộ, ngành, địa phương về kế hoạch này: chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính dự kiến kế hoạch đầu tư phát triển và phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản đối với các Bộ, cơ quan trung ương.

c) Bộ Tài chính thông báo số hướng dẫn về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2002 và hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương xây dựng dự toán ngân sách nhà nước; chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm việc với các tỉnh, thành phố về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của địa phương, làm việc với các Bộ, ngành ở Trung ương về dự kiến phân bổ chi thường xuyên và tổng hợp dự toán thu, chi ngân sách nhà nước.

d) Các Bộ, ngành khác phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xây dựng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Các Bộ, cơ quan chủ quản các chương trình quốc gia phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính làm việc với các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương liên quan về nhiệm vụ và dự toán kinh phí năm 2002 để thực hiện các chương trình thuộc lĩnh vực phụ trách.

đ) Các Bộ, cơ quan nhà nước theo chức năng của mình trên cơ sở tính toán các nguồn lực có thể khai thác được, xây dựng các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và các giải pháp, bao gồm các cơ chế chính sách đặc thù, các chế độ, chính sách mới

hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách hiện hành làm căn cứ tính toán kế hoạch và dự toán ngân sách thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các Bộ, các cơ quan có liên quan trước thời điểm lập dự toán ngân sách.

e) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn, tổ chức và chỉ đạo các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính - Vật giá phối hợp chặt chẽ với Sở, Ban, ngành khác xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước trình Hội đồng nhân dân quyết định.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng giám đốc các Tổng công ty 91 tổ chức thực hiện Chỉ thị này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHAI

09659824

Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 95/2001/QĐ-TTg ngày 22/6/2001 phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010 có xét triển vọng đến năm 2020.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Xét đề nghị của Tổng công ty Điện lực Việt Nam (Công văn số 149/EVN/HĐQT-KH ngày 21/6/2000); ý kiến của Hội đồng thẩm định nhà nước về các Dự án đầu tư (Công văn số 95/TĐNN ngày 24 tháng 11 năm 2000); ý kiến*



*của các Bộ, ngành liên quan về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010 có xét triển vọng đến năm 2020,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010 có xét triển vọng đến năm 2020 (gọi tắt Quy hoạch điện V) theo các nội dung chính sau đây:

#### 1. Về nhu cầu phụ tải:

Phát triển ổn định, nâng cao chất lượng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu phụ tải cho sinh hoạt của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng; đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đến hết năm 2005, các nhà máy điện trong cả nước sản xuất đạt sản lượng từ 45 đến 50 tỷ kWh, dự báo năm 2010 đạt sản lượng từ 70 đến 80 tỷ kWh và năm 2020 đạt sản lượng từ 160 - 200 tỷ kWh.

#### 2. Về phát triển nguồn điện:

a) Phát triển nguồn điện phải đáp ứng nhu cầu phụ tải nói trên, đảm bảo cung cấp điện an toàn, chất lượng, ổn định, hiệu quả, hợp lý để phát triển kinh tế - xã hội. Khai thác tối đa các nguồn năng lượng có hiệu quả kinh tế như: thủy điện, nhiệt điện khí, nhiệt điện than, nhiệt điện dầu, các dạng năng lượng mới... kết hợp với từng bước trao đổi điện hợp lý với các nước trong khu vực. Ưu tiên xây dựng các nhà máy thủy điện có các lợi ích tổng hợp như: chống lũ, cấp nước, sản xuất điện. Phát triển thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời... cho các khu vực xa lưới điện, miền núi, biên giới, hải đảo.

b) Việc cân đối nguồn điện phải tính các phương án xây dựng với đầu tư chiều sâu và đổi mới công nghệ các nhà máy đang vận hành; đáp ứng tiêu chuẩn môi trường; sử dụng công nghệ hiện đại đối với các nhà máy điện mới.

- Kết hợp với các nguồn điện đầu tư theo các

hình thức xây dựng nhà máy điện độc lập (IPP), nhà máy điện BOT, liên doanh và trao đổi điện với các nước láng giềng... để đáp ứng điện cho từng khu vực và cho cả hệ thống điện.

- Tổng công suất các dự án được đầu tư theo các hình thức BOT, IPP, liên doanh... có nguồn vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ lệ không quá 20% công suất cực đại của hệ thống.

c) Cơ cấu nguồn điện phải tính toán cho phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với nguồn nhiên liệu, đảm bảo hiệu quả khai thác của hệ thống và đặc điểm của từng địa phương để chủ động cung cấp điện theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và sinh hoạt của nhân dân trong mùa khô và mùa mưa, kể cả năm thủy điện ít nước, giờ cao điểm và giờ thấp điểm, đáp ứng nguồn nước phục vụ nông nghiệp và tham gia chống lũ khi cần thiết.

d) Đẩy mạnh các công trình nguồn điện theo kế hoạch và tiến độ đề ra (xem danh mục tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này).

Công suất, địa điểm và thời gian xây dựng các công trình nguồn điện sẽ được cấp có thẩm quyền quyết định khi phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi của từng dự án cụ thể.

#### 3. Về phát triển lưới điện:

a) Xây dựng lưới điện từ cao thế xuống hạ thế phải đồng bộ với nguồn điện. Khắc phục tình trạng lưới điện không an toàn, lạc hậu, chập vá, tổn thất còn cao như hiện nay.

b) Thẩm quyền quyết định đầu tư đối với các công trình phát triển lưới điện được thực hiện như sau:

- Thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án đường dây tải điện và trạm biến áp theo quy định chung của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng (Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ). Các dự án do các ngành, các địa phương quyết định đầu tư cần có sự thống nhất với ngành điện.



- Đối với các công trình trạm biến áp và đường dây tải điện có cấp điện áp 110 kV trở xuống, do Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Việt Nam quyết định phù hợp với Quyết định này.

- Các công trình lưới điện phát triển sau năm 2010, Bộ Công nghiệp phối hợp với các ngành và địa phương chỉ đạo Tổng công ty Điện lực Việt Nam xác định cụ thể theo quy hoạch và kế hoạch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

e) Các dự án phát triển lưới điện theo danh mục tại Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này.

#### 4. Về cấp điện cho nông thôn, miền núi:

a) Bộ Công nghiệp phối hợp với các ngành, địa phương liên quan chỉ đạo Tổng công ty Điện lực Việt Nam tiếp tục thực hiện Quyết định số 22/1999/QĐ-TTg ngày 13 tháng 2 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án điện nông thôn và Quyết định số 294/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư dự án năng lượng nông thôn theo kế hoạch và tiến độ đề ra.

b) Bộ Công nghiệp phối hợp với các ngành và địa phương có đề án giải quyết điện cho các khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, trong đó kiến nghị các cơ chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Đề án cần phân loại các vùng cấp điện từ hệ thống điện quốc gia và các vùng cấp điện tại chỗ bằng các nguồn điện diesel, điện gió, điện mặt trời, thủy điện nhỏ, địa nhiệt.... Đối với những vùng cấp điện từ hệ thống điện quốc gia nhưng có thể phát triển nguồn tại chỗ có hiệu quả thì cần xem xét để phát triển các nguồn điện này.

#### 5. Về nguồn vốn đầu tư:

a) Tổng công ty Điện lực Việt Nam giữ vai trò chủ đạo đáp ứng điện cho phát triển kinh tế, xã hội và sinh hoạt của nhân dân. Tổng công ty Điện lực Việt Nam được huy động mọi nguồn vốn để đầu tư các công trình nguồn và lưới điện theo cơ chế tự vay, tự trả (vay vốn ODA, vay vốn tín dụng trong và ngoài nước, vay tín dụng xuất khẩu của người cung cấp thiết bị, vay vốn

thiết bị trả bằng hàng...) và tiếp tục thực hiện cơ chế trung ương, địa phương, Nhà nước và nhân dân cùng làm để phát triển lưới điện nông thôn.

b) Khuyến khích các nhà đầu tư trong, ngoài nước tham gia xây dựng các công trình nguồn và lưới điện phân phối theo các hình thức đầu tư: Nhà máy điện độc lập (IPP), hợp đồng xây dựng - vận hành - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - vận hành (BTO), liên doanh, công ty cổ phần....

#### 6. Về cơ chế tài chính:

a) Chờ phép Tổng công ty Điện lực Việt Nam được giữ lại tiền thu sử dụng vốn hàng năm đây là nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp để đầu tư xây dựng các công trình điện.

b) Thực hiện tiến trình điều chỉnh giá điện hợp lý từ nay đến năm 2005.

#### 7. Về đổi mới tổ chức quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành điện:

a) Tổng công ty Điện lực Việt Nam tiếp tục sắp xếp cơ cấu tổ chức cải cách thủ tục hành chính, phân cấp đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh để đáp ứng yêu cầu phát triển điện lực trong thời gian tới.

b) Tổng công ty Điện lực Việt Nam đầu tư đẩy mạnh ngành chế tạo thiết bị điện trong nước trước hết tập trung chế tạo thiết bị trọn bộ cho lưới trung thế và hạ thế; tiến tới chế tạo thiết bị trọn bộ cho lưới 110 - 220kV, giảm dần thiết bị điện nhập khẩu từ nước ngoài.

c) Bộ Công nghiệp, các ngành và địa phương tăng cường công tác quản lý nhà nước và có các quy định cụ thể theo thẩm quyền để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư và kinh doanh điện đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng của đất nước.

**Điều 2.** Nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương liên quan và Tổng công ty Điện lực Việt Nam:

#### 1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên



quan nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định:

- Chiến lược và chính sách năng lượng quốc gia.

- Quy hoạch khai thác sử dụng tổng hợp các dòng sông, các nguồn năng lượng khác của quốc gia một cách hợp lý.

## 2. Bộ Công nghiệp:

a) Chỉ đạo ngành điện thực hiện Quy hoạch điện V theo kế hoạch, tiến độ đề ra. Chỉ đạo Tổng công ty Điện lực Việt Nam xây dựng đề án sắp xếp cơ cấu tổ chức phù hợp quy hoạch phát triển của ngành trong 10 năm tới để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Thường xuyên đánh giá và cập nhật nhu cầu phụ tải, nhiên liệu cho sản xuất điện để có chương trình phát triển nguồn và lưới điện hợp lý đáp ứng nhu cầu của cả nước sau năm 2005. Trong trường hợp có biến động lớn về nhu cầu phụ tải và khả năng cung cấp các nguồn nhiên liệu cho sản xuất điện, cần chủ động tính toán, hiệu chỉnh kịp thời Quy hoạch điện V trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan ban hành kịp thời các văn bản liên quan đến hoạt động điện lực: hoàn chỉnh dự thảo Luật Điện lực để báo cáo Chính phủ trình Quốc hội ban hành theo kế hoạch đề ra.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục triển khai chương trình "quản lý nhu cầu điện" (DSM), trong đó đề ra các chính sách khuyến khích, kết hợp với tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra, giám sát... nhằm thực hiện chương trình DSM có hiệu quả.

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và các cơ quan liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhà máy điện nguyên tử, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

e) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành chỉ đạo

việc trao đổi điện với các nước láng giềng và tham gia của Việt Nam vào hệ thống điện liên kết giữa các nước trong khu vực sông Mê Kông.

g) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tổ chức nghiên cứu hoàn thiện phương pháp lập Quy hoạch điện giai đoạn tiếp, theo hướng tối ưu hóa về công nghệ và cải tiến công tác lập kế hoạch dài hạn để phục vụ cho việc điều chỉnh và xây dựng Quy hoạch phát triển ngành điện trong thời gian tới.

h) Chỉ đạo Tổng công ty Điện lực Việt Nam lập Quy hoạch bậc thang thủy điện; hướng dẫn các thành phần kinh tế tham gia đầu tư và kinh doanh các dự án thủy điện nhỏ và vừa. Nếu quá thẩm quyền báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

i) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo việc trao đổi điện với các nước láng giềng và tham gia của Việt Nam vào hệ thống điện liên kết các nước trong khu vực sông Mê Kông.

## 3. Tổng công ty Điện lực Việt Nam:

a) Chịu trách nhiệm chính về việc đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn và bền vững để phát triển kinh tế - xã hội và sinh hoạt của nhân dân.

b) Thực hiện các giải pháp để giảm tổn thất điện năng đến năm 2010 còn khoảng 10%; nâng cao hiệu suất và tăng số giờ vận hành của các nhà máy điện; kiểm soát phụ tải nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh; thực hiện chương trình tiết kiệm điện trong sản xuất và tiêu dùng, tiết kiệm vốn đầu tư ngay trong Tổng công ty và toàn xã hội để phát triển ngành điện bền vững.

**Điều 3.** Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Thủ trưởng các Bộ, ngành liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHAI



**Phụ lục I****CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NGUỒN ĐIỆN GIAI ĐOẠN 2001 - 2010  
CÓ XÉT TRIỂN VỌNG ĐẾN NĂM 2020**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 95/2001/QĐ-TTg ngày 22/6/2001  
của Thủ tướng Chính phủ).*

**I. CÁC NGUỒN ĐIỆN VẬN HÀNH GIAI ĐOẠN 2001 - 2005.**

<b>Tên nhà máy</b>	<b>Công suất (MW)</b>	<b>Năm hoàn thành</b>
<b>a) Các nguồn điện do Tổng công ty Điện lực Việt Nam quản lý :</b>		
1. Phú Mỹ 1 (TBKHH)	1.090 MW	2001
2. Phả Lại 2 (nhiệt điện than)	600 MW	2001
3. Thủy điện Ialy (2 tổ còn lại)	360 MW (720 MW)	2001
4. Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi	475 MW	2001
5. Đuôi hơi 306 - 2 Bà Rịa	56 MW	2002
6. Phú Mỹ 2 - 1 (Đuôi hơi)	143 MW	2003
7. Phú Mỹ 4 (TBKHH)	450 MW	2002 - 2003
8. Phú Mỹ 2 - 1 mở rộng (Đuôi hơi)	140 MW	2003
9. Uông Bí mở rộng (nhiệt điện than)	300 MW	2004 - 2005
10. Ô Môn (dầu - khí)	600 MW	2004 - 2005
11. Đại Ninh (thủy điện)	300 MW	2005
12. Rào Quán	70 MW	2005
<b>b) Các nguồn điện BOT:</b>		
1. Cần Đơn (thủy điện)	72 MW	2003
2. Phú Mỹ 3	720 MW	2003 - 2004
3. Phú Mỹ 2-2 *	720 MW	2004
<b>c) Các nguồn điện IPP:</b>		
1. Na Dương (than)	100 MW	2003 - 2004
2. Cao Ngạn (than)	100 MW	2003 - 2004
3. Cà Mau (TBKHH)	720 MW	2005 - 2006
4. Nhiệt điện Cẩm Phả (than)	300 MW	2004 - 2005

**Ghi chú :** \* Trường hợp đàm phán hợp đồng Phú Mỹ 2-2 không thành công, Tổng công ty Điện lực Việt Nam tìm nguồn vốn để xây dựng.

## II. DỰ KIẾN CÁC NGUỒN ĐIỆN VẬN HÀNH GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Tên nhà máy	Công suất (MW)	Năm vận hành và hoàn thành
<b>a) Các nguồn điện thủy điện:</b>		
1. Cửa Đạt	120 MW	2006 - 2007
2. Sê San 3	273 MW	2006 - 2007
3. Na Hang (Đại Thị)	300 MW	2006
4. A Vương 1	170 MW	2007 - 2008
5. Plei Krong	120 MW	2007 - 2008
6. Bản Mai (tuyến Bản Là)	260 MW	2008 - 2009
7. Đồng Nai 3&4	510 MW	2008 - 2009
8. An Khê + Ka Nak	155 MW	2008 - 2010
9. Buôn Kướp	280 MW	2008 - 2010
10. Sông Ba Hạ	200 MW	2008 - 2010
11. Sông Tranh 2	200 MW	2008 - 2010
12. Sơn La (thực hiện theo Nghị quyết Quốc hội kỳ họp thứ 9 (Khóa X).		
<b>b) Các nguồn nhiệt điện lập báo cáo khả thi để trình duyệt:</b>		
1. Nhiệt điện Hải Phòng (than)	600 MW	2006 - 2008
2. Nhiệt điện Làng Bang (than)	300 MW	2008 - 2010
3. Nhiệt điện khí miền Nam (địa điểm phụ thuộc nguồn khí)	1.200 MW	2007 - 2010
4. Nhiệt điện khí Thái Bình - công suất theo khả năng nguồn khí		2007 - 2008

### c) Trao đổi điện với Lào và Campuchia:

Công suất, thời gian trao đổi tùy thuộc quá trình đàm phán.

**d) Điện nhiệt và điện gió:** tùy thuộc vào tiềm năng của các địa phương để nghiên cứu các dạng năng lượng này.

điện Sơn La theo nội dung quy định, quy mô và thời gian xây dựng sẽ được Thủ tướng Chính phủ quyết định khi phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án.

- Nghiên cứu một số dự án thủy điện tích năng để sử dụng trong tương lai.

### b) Về các nguồn nhiệt điện:

Chuẩn bị đầu tư các dự án theo khả năng của các nguồn nhiên liệu (khí, than, dầu...) để xác định địa điểm ở đồng bằng sông Cửu Long, các tỉnh phía Bắc và vùng Duyên hải để trình duyệt.

### c) Về điện nguyên tử:

Bộ Công nghiệp chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hoàn tất Báo cáo Tổng quan về phát triển điện nguyên tử ở Việt Nam, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét trong năm 2001 - 2002./.

## III. ĐỊNH HƯỚNG CÁC NGUỒN ĐIỆN VẬN HÀNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

### a) Về thủy điện:

- Bổ sung quy hoạch Hệ thống thủy điện trên các dòng sông chính, tiến hành lập báo cáo tiền khả thi, khả thi các dự án có hiệu quả cao để trình duyệt theo quy định hiện hành.

- Tích cực chuẩn bị mọi mặt cho xây dựng thủy



## Phụ lục II

**CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN LƯỚI ĐIỆN GIAI ĐOẠN 2001 - 2010  
CÓ XÉT TRIỂN VỌNG ĐẾN NĂM 2020**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 95/2001/QĐ-TTg ngày 22/6/2001  
của Thủ tướng Chính phủ).*

**1.1. ĐƯỜNG DÂY 500 KV**

Số thứ tự	Tên công trình	Số mạch x km	Năm vận hành
<b>1. Giai đoạn 2001 - 2005</b>			
1	Plêicu - Phú Lâm (mạch 2)	1 x 547	2002
2	Plêicu - Dung Quất - Đà Nẵng	1 x 280	2003 - 2004
3	Phú Mỹ - Nhà Bè	2 x 49	2002
4	Nhà Bè - Phú Lâm	1 x 16	2002
5	Nhà Bè - Ô Môn	1 x 180	2004 - 2005
6	Cà Mau - Ô Môn	2 x 150	2005
<b>2. Dự kiến giai đoạn 2006 - 2010</b>			
1	Nhỏ Quan - Thường Tín	1 x 75	2006 - 2010
2	Rẽ trạm 500 KV Nho Quan	2 x 30	2006 - 2010
3	Phú Lâm - Ô Môn	1 x 170	2006 - 2010
4	Hà Tĩnh - Nho Quan	1 x 260	2006 - 2010
5	Hà Tĩnh - Đà Nẵng	1 x 390	2006 - 2010
6	Rẽ vào Đồng Nai 3 & 4	2 x 20	2006 - 2010
<b>3. Định hướng giai đoạn 2011 - 2020</b>			
1	Hòa Bình - Sơn La	1 x 180	2011 - 2020
2	Sơn La - Nho Quan	1 x 240	"
3	Sơn La - Sóc Sơn	2 x 200	"
4	Sóc Sơn - Tràng Bạch	1 x 95	"
5	Tràng Bạch - Thường Tín	1 x 110	"
6	Rẽ Quảng Trị - Quảng Trị	2 x 5	"
7	Phú Mỹ - Biên Hòa	1 x 40	"
8	Biên Hòa - Tân Định	1 x 30	"
9	Rẽ Hóc Môn - Hóc Môn	2 x 10	"
10	Biên Hòa - Thủ Đức	2 x 20	"
11	Điện nguyên tử - Phú Mỹ	1 x 160	"
12	Nha Trang - Điện nguyên tử - Di Linh	1 x 160	"
13	Điện nguyên tử - Biên Hòa	2 x 170	"

## I.2. CÁC TRẠM BIẾN ÁP 500 KV

Số thứ tự	Tên công trình	Số máy x MVA	Công suất - MVA	Năm vận hành
<b>1. Giai đoạn 2001 - 2005</b>				
1	Hà Tĩnh	1 x 450	450	2002
2	Đà Nẵng	1 x 450	450	2004
3	Di Linh	1 x 450	450	2005
4	Ô Môn	1 x 450	450	2005
5	Tân Định	1 x 450	450	2004 - 2005
6	Nhà Bè	2 x 600	1.200	2002
7	Phú Mỹ	1 x 450	450	2002
<b>2. Dự kiến giai đoạn 2006 - 2010</b>				
1	Nho Quan	1 x 450	450	2006 - 2010
2	Thường Tín	1 x 450	450	2006 - 2010
3	Tân Định	1 x 450	450	(Máy 2) 2006 - 2010
4	Cà Mau	1 x 450	450	2006 - 2010
5	Dung Quất	1 x 450	450	2006 - 2010
<b>3. Định hướng giai đoạn 2011 - 2020</b>				
1	Sơn La	1 x 450	450	2011 - 2020
2	Sóc Sơn	2 x 1000	2.000	"
3	Tràng Bạch	1 x 450	450	"
4	Việt Trì	2 x 450	900	"
5	Hóc Môn	2 x 750	1.500	"
6	Biên Hòa	2 x 450	900	"
7	Nha Trang	1 x 450	450	"
8	Thanh Hóa	1 x 450	450	"
9	Thủ Đức	2 x 600	1.200	"

## II. CÁC DỰ ÁN LƯỚI ĐIỆN 220 KV

## II. 1. CÁC TRẠM BIẾN ÁP 220 KV

<b>1. Giai đoạn 2001 - 2005</b>				
Số thứ tự	Tên công trình	Số máy x MVA	Công suất (MVA)	Năm vận hành
<b>Các tỉnh miền Bắc</b>				
1	Mai Động	2 x 250	500	2001 - 2002
2	Sóc Sơn	2 x 125	250	2001 - 2005
3	Bắc Giang	1 x 125	125	2001
4	Phố Nối	2 x 125	250	2001 - 2005
5	Tràng Bạch	1 x 125	125	2001



6	Quảng Ninh	1 x 125	250	2001 - 2005	
7	Vật Cách	1 x 125	125	2001	
8	Việt Trì	2 x 125	250	2001 - 2005	
9	Hà Tĩnh	1 x 125	125	2002	
10	Thái Bình	1 x 125	125	2002	
11	Đình Vũ	1 x 125	125	2004 - 2005	
12	Bắc Ninh	1 x 125	125	2004 - 2005	
13	Xuân Mai	1 x 125	125	2002	
14	Nam Định	1 x 125	125	2002 - 2003	Máy thứ 2
15	Uông Bí	1 x 125	125	2004 - 2005	
16	Yên Bái	1 x 125	125	2004 - 2005	
17	Nghi Sơn	1 x 125	125	2002	
18	Thái Nguyên	1 x 125	125	2002 - 2005	Máy thứ 2
<b>Các tỉnh miền Trung</b>					
1	Hòa Khánh	2 x 125	250	2001 - 2005	
2	Huế	1 x 125	125	2001	
3	Dung Quất	2 x 63	126	2001 - 2005	
4	Quy Nhơn	1 x 125	125	2002 - 2003	Máy thứ 2
5	Krong Buk	1 x 125	125	2002	"
6	Nha Trang	1 x 125	125	2003	"
<b>Các tỉnh miền Nam</b>					
1	Long Bình	1 x 250	250	2001	Thay MBA
2	Long Thành	2 x 250	500	2001 - 2005	
3	Bình Chuẩn (Biên Hòa)	2 x 250	500	2001 - 2005	
4	Bảo Lộc	1 x 125	125	2001	
5	Phú Lâm	2 x 250	500	2001 - 2002	Thay MBA
6	Thủ Đức	2 x 175	350	2002	
7	Tao Đàn	2 x 250	500	2002 - 2005	
8	Cát Lái	2 x 250	500	2002 - 2003	
9	Nam Sài Gòn	1 x 250	250	2004 - 2005	
10	Bà Rịa	1 x 125	125	2002 - 2003	
11	Vũng Tàu	1 x 125	125	2002 - 2003	
12	Tân Định	1 x 250	250	2004 - 2005	
13	Đại Ninh	1 x 63	63	2005	
14	Vĩnh Long	2 x 125	250	2002 - 2003	
15	Thốt Nốt	2 x 125	250	2002 - 2003	
16	Kiên Lương	1 x 125	125	2002 - 2003	
17	Mỹ Tho	1 x 125	125	2003 - 2004	
18	Hàm Thuận	1 x 63	63	2001	
19	Bạc Liêu	1 x 125	125	2002	
20	Châu Đốc	1 x 125	125	2003 - 2004	
21	Tân Rai	2 x 125	250	2005	Luyện nhóm
22	Trị An	1 x 63	63	2004 - 2005	Máy thứ 2



**2. Các dự án dự kiến giai đoạn 2006 - 2010****Các tỉnh miền Bắc**

1	Yên Phụ	1 x 250	250	2006 - 2010	
2	Tràng Bạch	1 x 125	125	"	Máy thứ 2
3	Bắc Giang	1 x 125	125	"	Máy thứ 2
4	Thái Bình	1 x 125	125	"	Máy thứ 2
5	Vân Trì	1 x 250	250	"	
6	Hải Dương	1 x 125	125	"	
7	Đình Vũ	1 x 125	125	"	Máy thứ 2
8	Vật Cánh	1 x 125	125	"	Máy thứ 2
9	Nhiệt điện Hải Phòng	2 x 125	250	"	
10	Đồng Hòa	2 x 250	500	"	Máy MBA
11	Nhiệt điện Quảng Ninh	2 x 125	250	"	
12	Sơn Tây	1 x 125	125	"	
13	Xuân Mai	1 x 125	125	"	Máy thứ 2
14	Phủ Lý	1 x 125	125	"	
15	Nghi Sơn	1 x 125	125	"	Máy thứ 2

**Các tỉnh miền Trung**

1	Huế	1 x 125	125	2006 - 2010	Máy thứ 2
2	Tam Kỳ	1 x 125	125	2006 - 2010	
3	Công nghiệp Dung Quất	1 x 250	250	2006 - 2010	
4	Tuy Hòa	1 x 125	125	2006 - 2010	
5	Krong Buk	1 x 125	125	2006 - 2010	Thay MBA

**Các tỉnh miền Nam**

1	Nam Sài Gòn	1 x 125	250	2006 - 2010	Máy thứ 2
2	Hòa Xá	2 x 250	500	2006 - 2010	
3	Tân Bình	2 x 250	500	2006 - 2010	
4	Song Mỹ	1 x 125	125	2006 - 2010	
5	Nhơn Trạch	1 x 125	125	2006 - 2010	
6	Vũng Tàu	1 x 125	125	2006 - 2010	Máy thứ 2
7	Mỹ Tho	1 x 125	125	2006 - 2010	Máy thứ 2
8	Long An	2 x 125	250	2006 - 2010	
9	Bến Tre	1 x 125	125	2006 - 2010	
10	Cao Lãnh	1 x 125	125	2006 - 2010	
11	Kiên Lương	1 x 125	125	2006 - 2010	Máy thứ 2
12	Cà Mau	1 x 125	125	2006 - 2010	
13	Sóc Trăng	1 x 125	125	2006 - 2010	
14	Phan Thiết	1 x 125	125	2006 - 2010	
15	Trảng Bàng	1 x 250	250	2006 - 2010	
16	Châu Đốc	1 x 125	125	2006 - 2010	Máy thứ 2



**3. Các dự án định hướng giai đoạn 2011 - 2020****Các tỉnh miền Bắc**

1	Đông Anh	2 x 250	500	2011 - 2020
2	Đông Triều	2 x 125	250	2011 - 2020
3	Đồ Sơn	2 x 125	250	2011 - 2020
4	Bỉm Sơn	2 x 125	250	2011 - 2020
5	Cái Lân	2 x 250	500	2011 - 2020
6	Cửa Ông	2 x 125	250	2011 - 2020
7	Hưng Yên	2 x 125	250	2011 - 2020
8	Hòa Lạc	2 x 125	250	2011 - 2020
9	Lào Cai	2 x 125	250	2011 - 2020
10	Lạng Sơn	2 x 125	250	2011 - 2020
11	Lưu Xá	2 x 125	250	2011 - 2020
12	Phú Thọ	2 x 125	250	2011 - 2020
13	Quỳnh Lưu	2 x 125	250	2011 - 2020
14	Sơn La	2 x 125	250	2011 - 2020
15	Sơn Tây	2 x 125	250	2011 - 2020
16	Sài Đồng	2 x 250	500	2011 - 2020
17	Thạch Khê	2 x 250	500	2011 - 2020
18	Trình Xuyên	2 x 125	250	2011 - 2020
19	Tràng Bạch	2 x 125	250	2011 - 2020
20	Tuyên Quang	2 x 125	250	2011 - 2020
21	Vĩnh Phúc	2 x 125	250	2011 - 2020
22	Vũng Áng	2 x 125	250	2011 - 2020

**Các tỉnh miền Trung**

1	Cam Ranh	2 x 125	250	2011 - 2020
2	Đông Hà	2 x 125	250	2011 - 2020
3	Ba Đồn	2 x 125	250	2011 - 2020
4	Công nghiệp Dung Quất	2 x 250	500	2011 - 2020
5	Dốc Sỏi	2 x 125	250	2011 - 2020
6	Kon Tum	2 x 125	250	2011 - 2020
7	Quảng Nam	2 x 125	250	2011 - 2020

**Các tỉnh miền Nam**

1	Đà Lạt	2 x 125	250	2011 - 2020
2	Đức Trọng	2 x 125	250	2011 - 2020
3	An Phước	2 x 125	250	2011 - 2020
4	An Phước	2 x 125	250	2011 - 2020
5	Bình Chánh	2 x 250	500	2011 - 2020
6	Bình Long	2 x 125	250	2011 - 2020
7	Bình Phước	2 x 125	250	2011 - 2020
8	Công nghiệp Sông Bé	2 x 125	250	2011 - 2020
9	Long Xuyên	2 x 125	250	2011 - 2020
10	Nhơn Trạch	2 x 125	250	2011 - 2020
11	Sa Đéc	2 x 125	250	2011 - 2020
12	Sóc Trăng	2 x 125	250	2011 - 2020
13	Song Mã	2 x 125	250	2011 - 2020



14	Tân Định	2 x 250	500	2011 - 2020	
15	Tân Bình	2 x 250	500	2011 - 2020	
16	Tây Ninh	2 x 125	250	2011 - 2020	
17	Tam Phước	2 x 125	250	2011 - 2020	
18	Tháp Chàm	2 x 125	250	2011 - 2020	
19	Thủ Đức Bắc	2 x 250	500	2011 - 2020	
20	Trà Vinh	2 x 125	250	2011 - 2020	
21	Xuân Lộc	2 x 125	250	2011 - 2020	

## II.2. CÁC ĐƯỜNG DÂY 220 KV

Số thứ tự	Tên công trình	Số mạch x km	Năm vận hành	Ghi chú
<b>1. Các dự án vận hành và hoàn thành các năm 2001- 2005</b>				
<b>Các tỉnh miền Bắc</b>				
1	Nam Định - Thái Bình	1 x 30	2002	Cột 2 mạch
2	Thái Bình - Hải Phòng	1 x 45	2002	"
3	Bắc Giang - Thái Nguyên	1 x 55	2003 - 2004	
4	Việt Trì - Sơn La	1 x 160	2003 - 2004	VH tạm 110 KV
5	Đồng Hòa - Đình Vũ	2 x 17	2004 - 2005	
6	Việt Trì - Yên Bái	1 x 75	2004 - 2005	
7	Nhánh rẽ vào trạm Hà Tĩnh	2 x 7	2002	
8	Uông Bí - Trảng Bạch	2 x 19	2004 - 2005	
<b>Các tỉnh miền Trung</b>				
1	Hòa Khánh - Huế	2 x 80	2001	
2	Đa Nhim - Nha Trang	1 x 140	2003 - 2004	
<b>Các tỉnh miền Nam</b>				
1	Phú Mỹ - Cát Lái	2 x 35	2001	Cáp + DZK
2	Cát Lái - Thủ Đức	2 x 10	2002	Cáp + DZK
3	Nhà Bè - Tao Đàn	2 x 10	2002 - 2003	
4	Bà Rịa - Vũng Tàu	2 x 15	2002 - 2003	
5	Đại Ninh - Di Linh	2 x 39	2005	
6	Rạch Giá - Bạc Liêu	1 x 105	2002	
7	Tân Định - Bình Chuẩn	2 x 18	2002 - 2004	
8	Nhà Bè - Nam Sài Gòn	2 x 7	2004 - 2005	
9	Thủ Đức - Hóc Môn	1 x 16	2002 - 2003	Mạch 2
10	Long Bình - Thủ Đức	1 x 16	2002 - 2003	"
11	Mỹ Tho - Bến Tre	1 x 25	2002	VH tạm 110KV
12	Thốt Nốt - Châu Đốc - Tịnh Biên	1 x 96	2003	
13	Đầu nối vào nhà máy điện Ô Môn	2 x 15	2004	
14	Ô Môn - Thốt Nốt	2 x 28	2004	
15	Bảo Lộc - Tân Rai	2 x 20	2005	Dự kiến cấp cho nhôm

**2. Các dự án dự kiến giai đoạn 2006 - 2010****Các tỉnh miền Bắc**

1	Dại Thị - Yên Bái	2 x 160	2006 - 2010	
2	Rẽ vào trạm Nho Quan	2 x 5	"	
3	Nhiệt điện Hải Phòng - Đình Vũ	2 x 17	"	
4	Nhiệt điện Hải Phòng - Vật Cách	2 x 19	"	
5	Rẽ Hải Dương - Hải Dương	2 x 15	"	
6	Hà Tĩnh - Thạch Khê	2 x 9	"	
7	Vân Trì - Sóc Sơn	2 x 25	"	
8	Vân Trì - Chèm	2 x 10	"	
9	Mai Động - Yên Phụ	2 x 8	"	Mạch 2
10	Vinh - Hà Tĩnh	1 x 50	"	
11	Bản Lã - Vinh	2 x 110	"	
12	Nhiệt điện Làng Bàng - Hoàn Bồ	2 x 15	"	
13	Nhiệt điện Làng Bàng - Nhiệt điện Cẩm Phả	2 x 30	"	
14	Nhiệt điện Thái Bình - Thái Bình	2 x 20	"	

**Các tỉnh miền Trung**

1	Dung Quất - Thép Dung Quất	2 x 9	2006 - 2010	
2	Hạ Sông Ba - Tuy Hòa	2 x 40	"	
3	Quy Nhơn - Tuy Hòa	1 x 95	"	
4	Tuy Hòa - Nha Trang	1 x 110	"	
5	Đồng Hới - Huế	1 x 165	"	
6	Plêikrông - Plêicu	1 x 50	"	
7	A Vương - Đà Nẵng	1 x 80	"	
8	Buôn Kút - Krong Buk	2 x 40	"	
9	Sông Tranh 2 - Dung Quất	2 x 75	"	
10	SêSan3 - Plêicu	2 x 35	"	

**Các tỉnh miền Nam**

1	Hóc Môn - Hỏa Xa	2 x 10	2006 - 2010	
2	Trà Nóc - Sóc Trăng	2 x 75	"	
3	Bạc Liêu - Sóc Trăng	1 x 53	"	
4	Bạc Liêu - Cà Mau	1 x 70	"	
5	Đa Nhim - Đà Lạt	1 x 50	"	
6	Kiên Lương - Châu Đốc	1 x 75	"	
7	Trảng Bàng - Tân Định	2 x 35	"	

**3. Các dự án định hướng giai đoạn 2011 - 2020****Các tỉnh miền Bắc**

1	Thanh Hóa - Vinh	1 x 161	2011 - 2020	Mạch 2
2	Hòa Bình - Sơn Tây	1 x 50	"	
3	Nhiệt điện Quảng Ninh - Mông Dương	2 x 45	"	
4	Bắc Giang - Phả Lại	1 x 25	"	Mạch 2
5	Yên Bái - Sơn La	1 x 140	"	
6	Sơn La - thị xã Sơn La	1 x 20	"	



7	Nam Định - Ninh Bình	1 x 28	"	Mạch 2
8	Phố Nối - Sài Đồng	2 x 20	"	
9	Phố Nối - Hưng Yên	1 x 25	"	
10	Hoành Bồ - Cái Lân	2 x 12	"	
11	Thanh Hóa - Ba Chè	2 x 15	"	
12	Tuyên Quang - Thái Nguyên	1 x 70	"	
13	Đông Anh - Sài Đồng	2 x 20	"	
14	Đa Phúc - Đông Anh	2 x 20	"	
15	Hưng Yên - Long Bối	1 x 35	"	
16	Yên Bái - Lao Cai	1 x 110	"	
17	Sơn La - Huội Quảng	2 x 20	"	
18	Thái Nguyên - Lưu Xá	1 x 11	"	
19	Thái Nguyên - Bắc Kạn	1 x 70	"	
20	Bắc Giang - Lạng Sơn	1 x 60	"	
21	Thị xã Sơn La - Tuần Giáo	1 x 55	"	
22	Bắc Mê - Đại Thị	2 x 60	"	
23	Hà Tĩnh - Vũng Áng	1 x 40	"	
<b>Các tỉnh miền Trung</b>				
1	Đà Nẵng - Quận 3	2 x 8	"	
2	SêSan4 - Pleïcu	2 x 43	"	
3	Serepok - Krong Buk	2 x 80	"	
<b>Các tỉnh miền Nam</b>				
1	Trà Nóc - Vĩnh Long	1 x 35	2011 - 2020	Mạch 2
2	Hàm Thuận - Phan Thiết	1 x 60	"	
3	Long Xuyên - Thốt Nốt	1 x 15	"	
4	Long Bình - Tam Phước	2 x 6	"	
5	Rẽ Cao Lãnh - Cao Lãnh	2 x 15	"	
6	Vĩnh Long - Trà Vinh	1 x 65	"	
7	Tân Định - Tây Ninh	2 x 72	"	
8	Tân Định - CN. Tân Định	2 x 8	"	
9	Cai Lậy - Ô Môn	1 x 90	"	Mạch 2
10	Cai Lậy - Thốt Nốt	1 x 80	"	Mạch 2
11	Mỹ Tho - Bến Tre	1 x 25	"	
12	Bạc Liêu - Cà Mau	2 x 65	"	
13	Xuân Lộc - Long Bình	1 x 40	"	
14	Long Thành - An Phước	2 x 8	"	
15	Nhơn Trạch - Long Bình	2 x 15	"	
16	Nhơn Trạch - Cát Lái	2 x 10	"	
17	Nha Trang - Cam Ranh	1 x 35	"	
18	Tây Ninh - Bình Long	2 x 75	"	
19	Đồng Nai 6 - Di Linh	2 x 30	"	